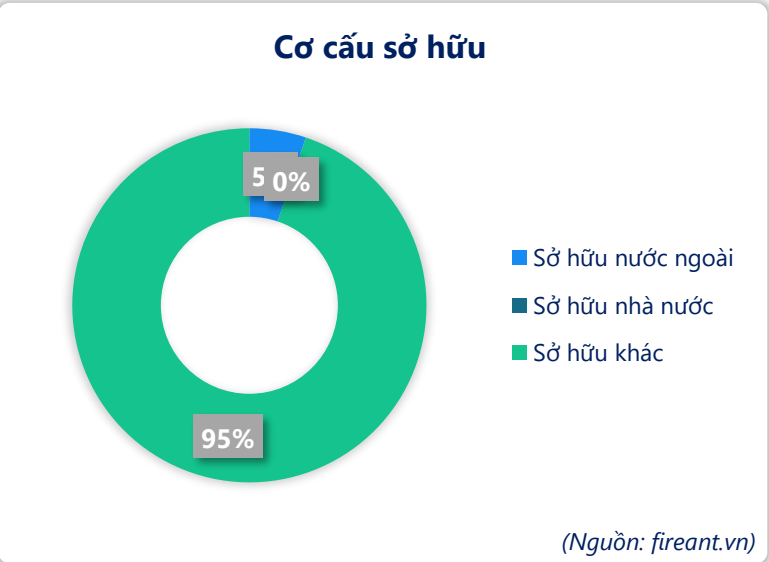
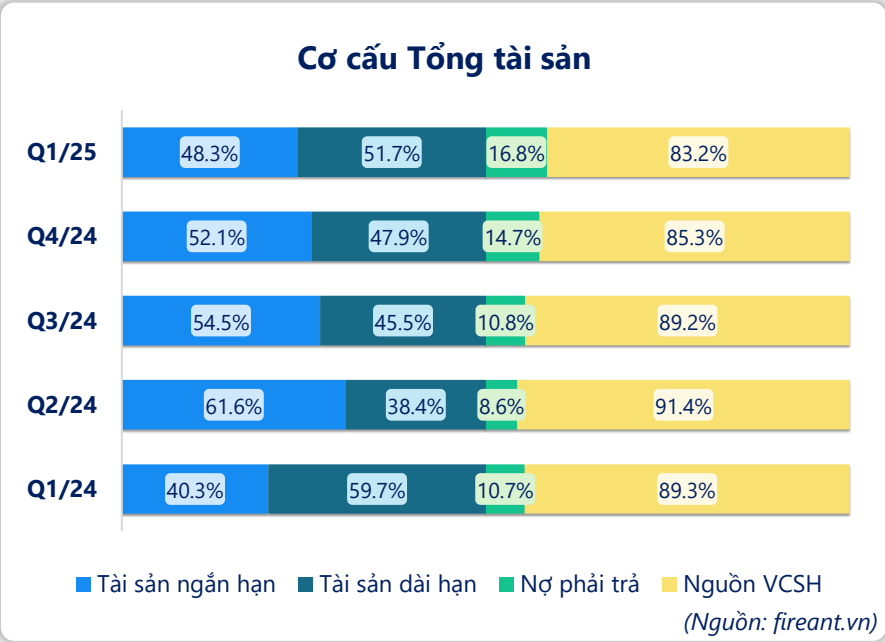
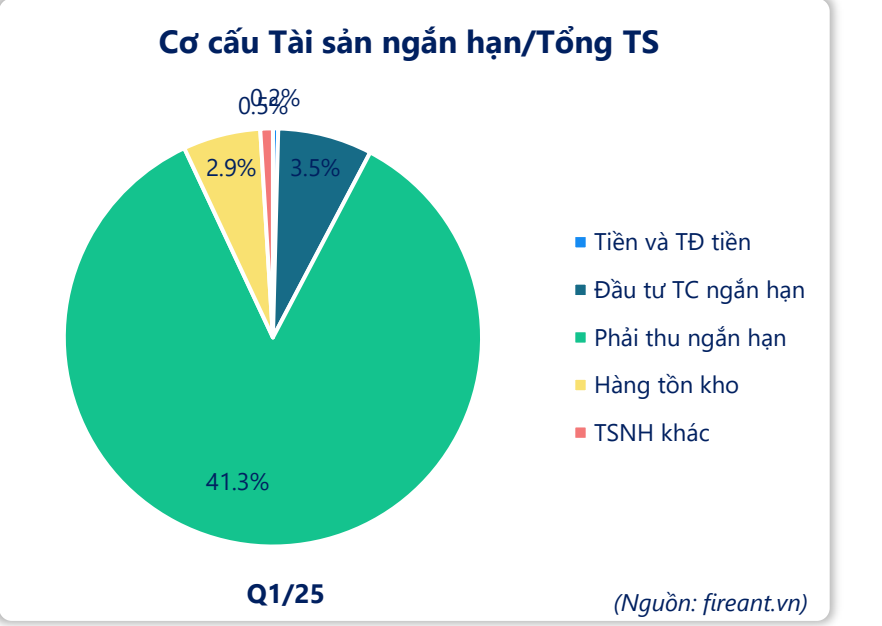
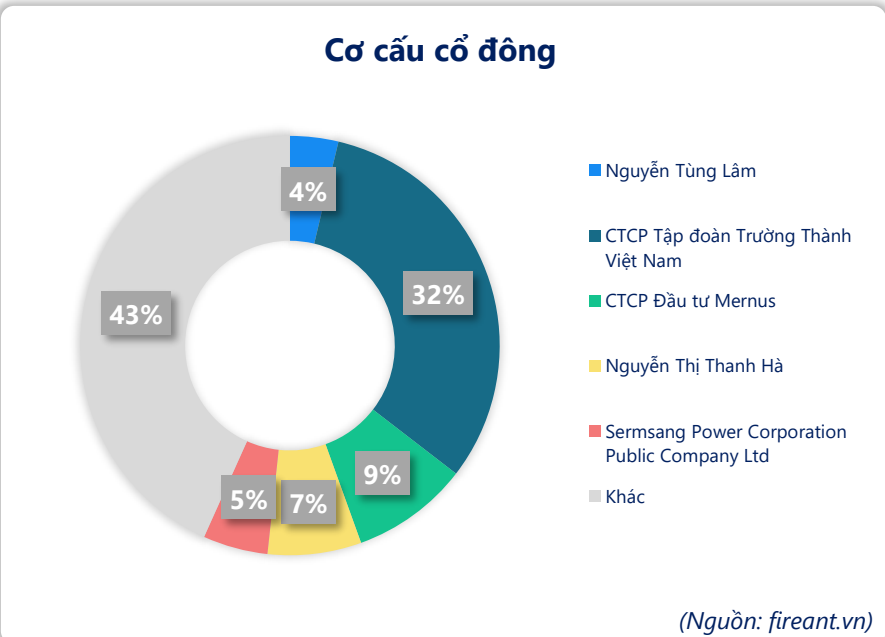
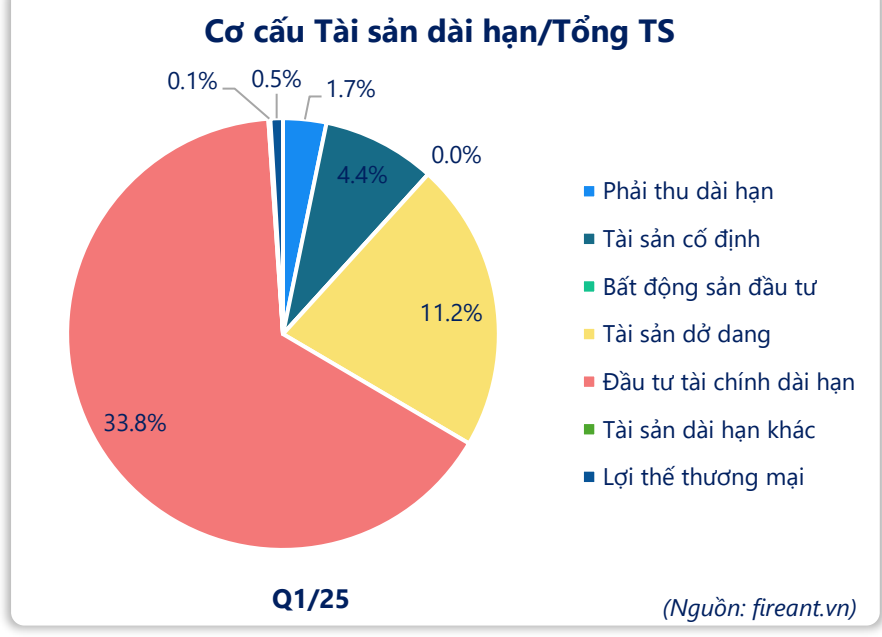
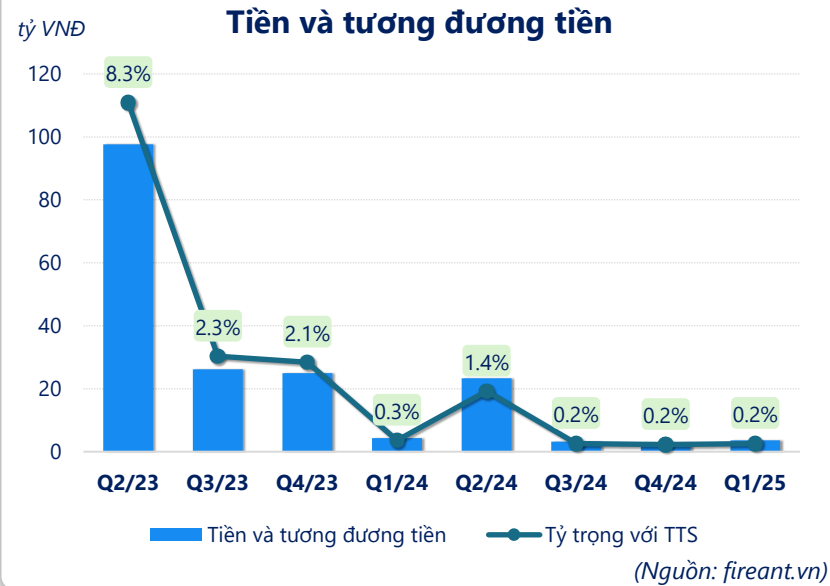
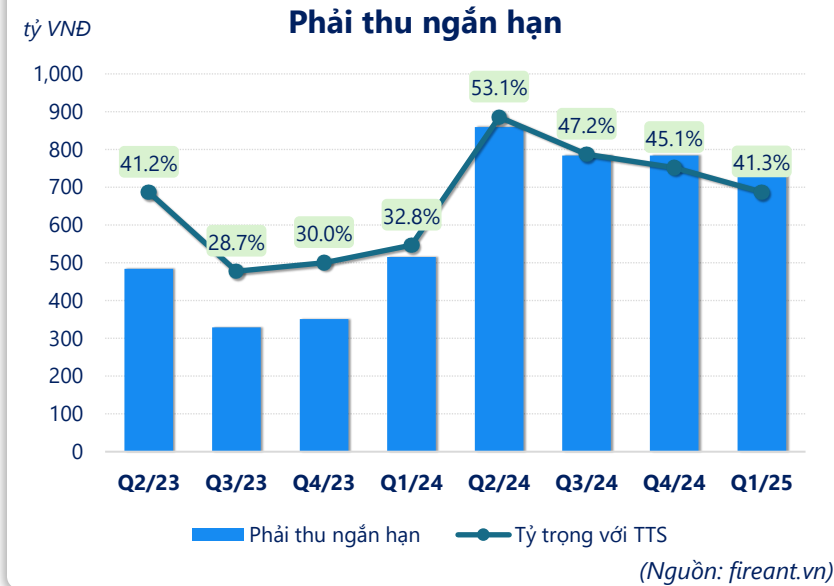
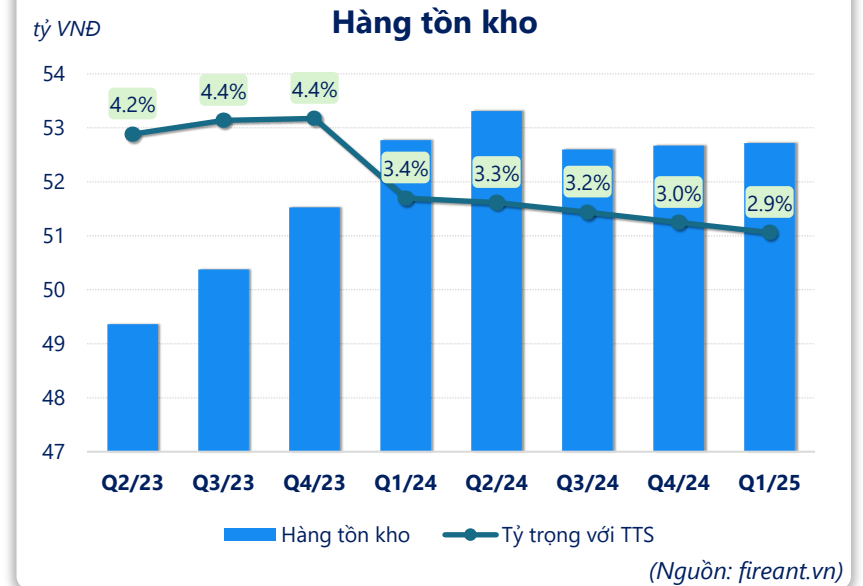
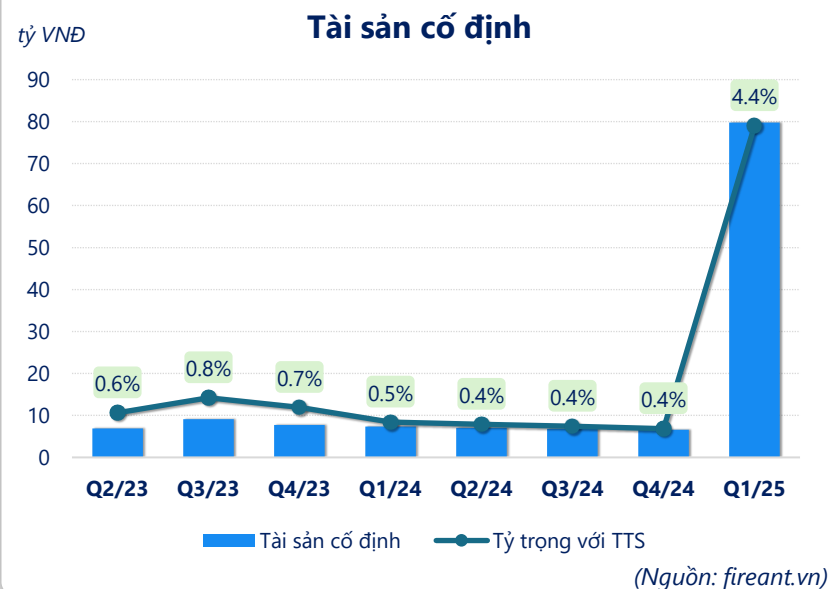
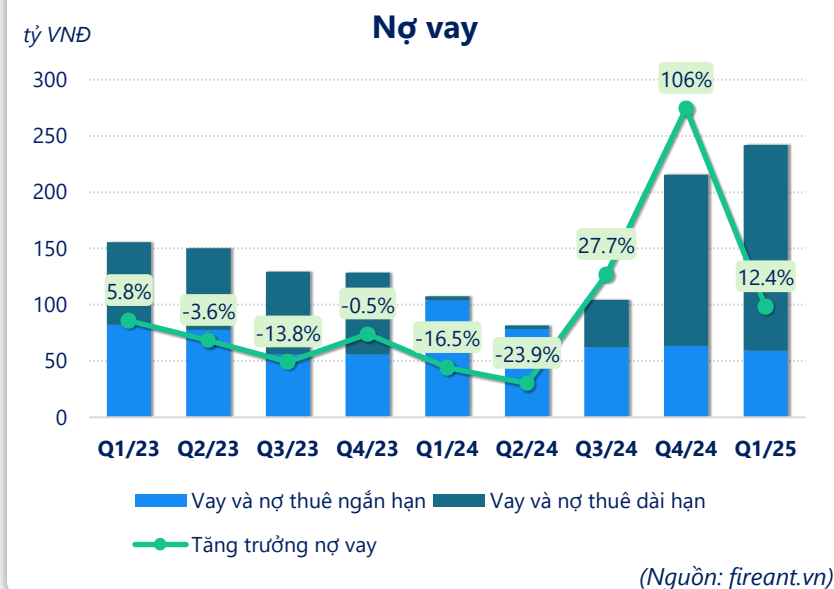
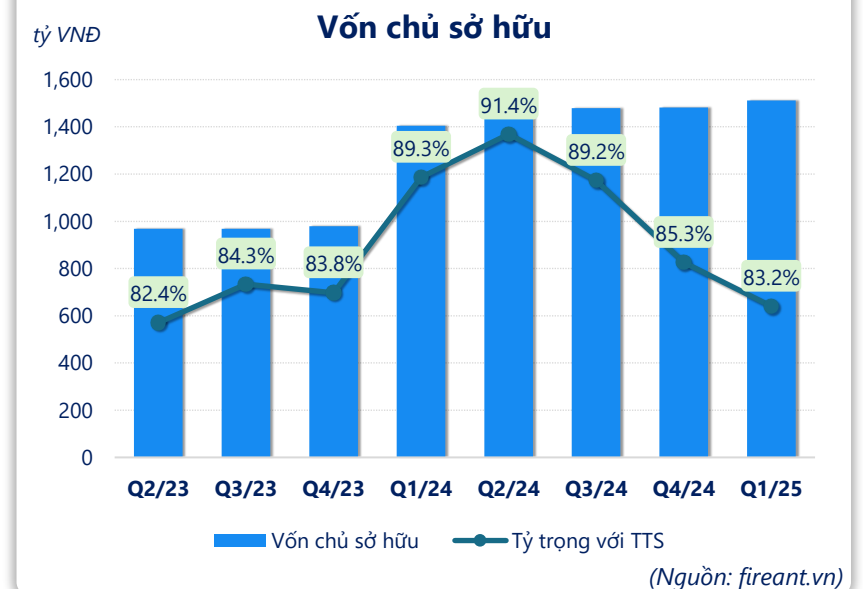
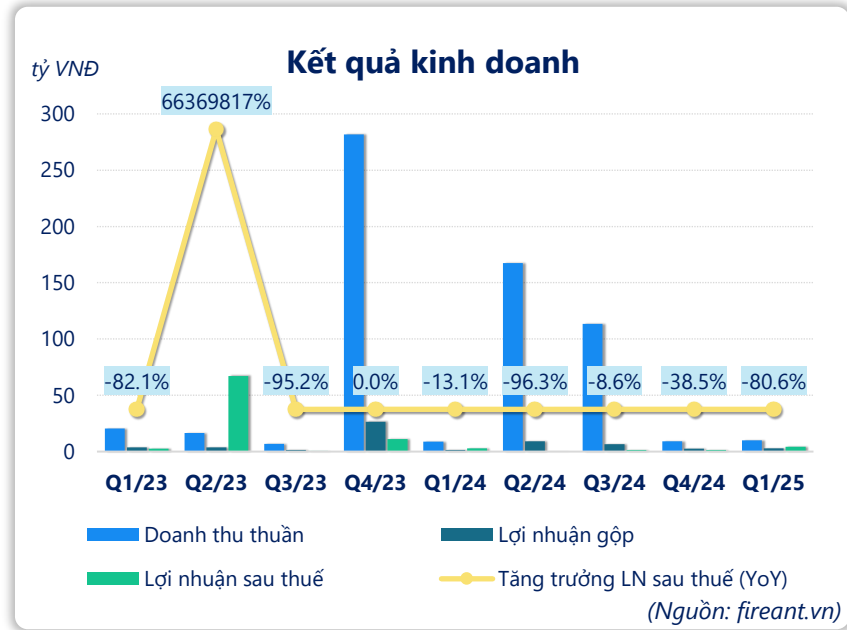
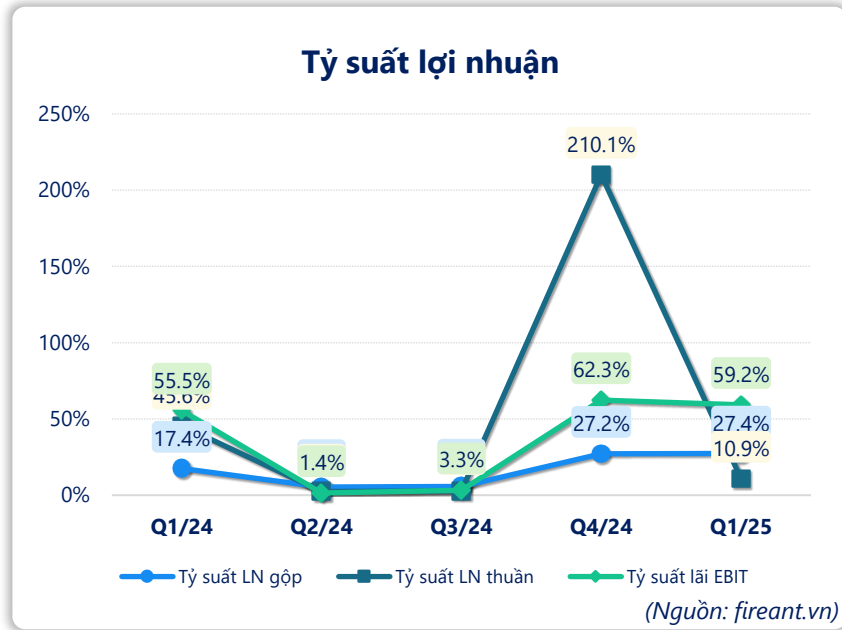
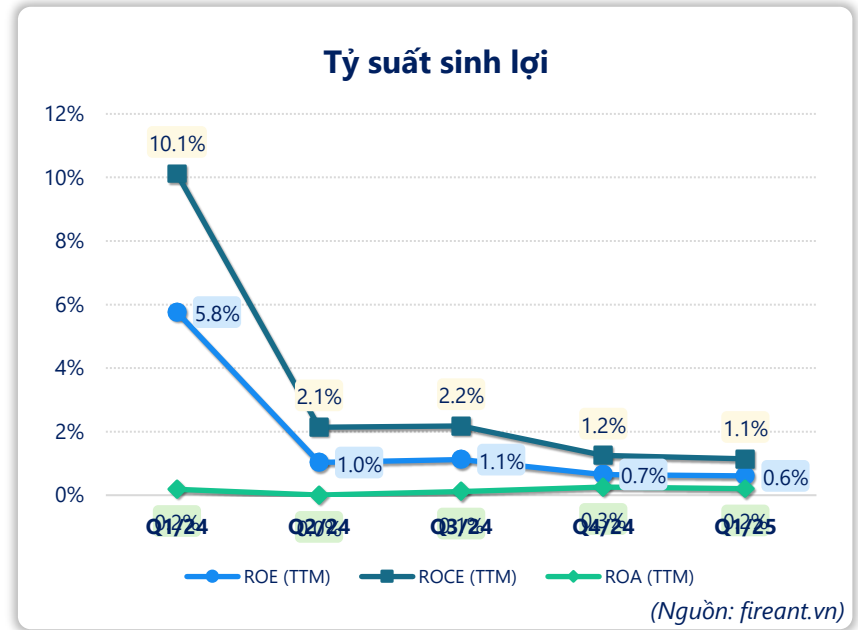
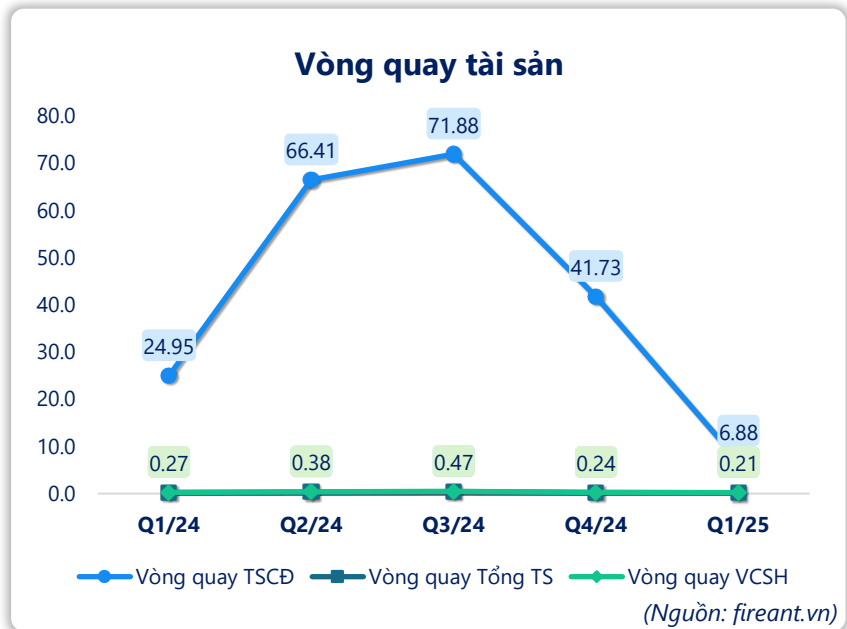
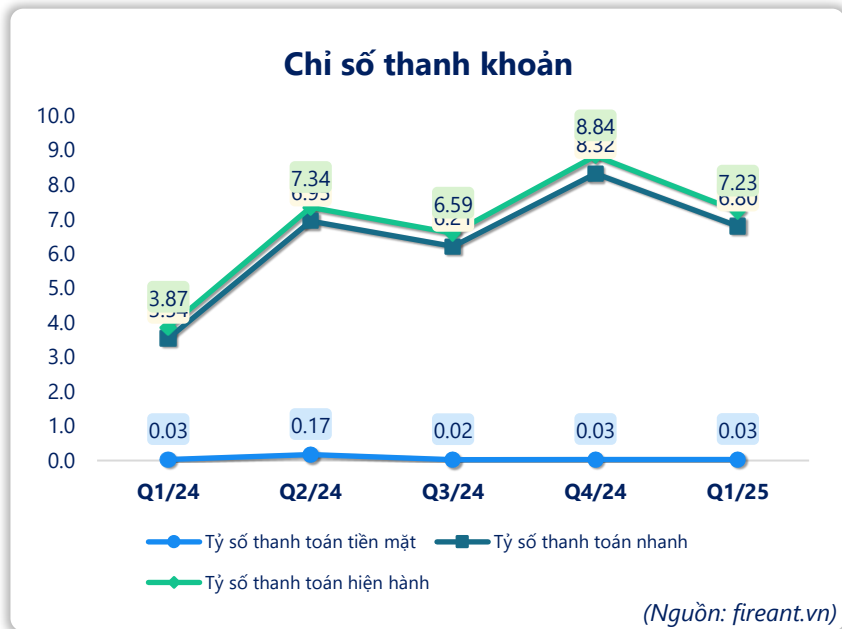
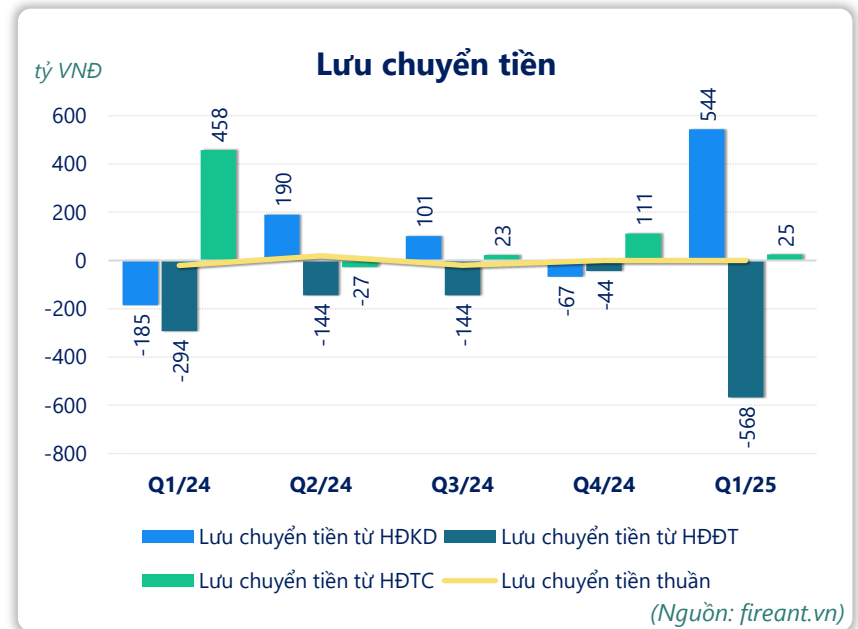


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,310
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,260
SL cổ phiếu LH		120,806,562
KLGD BQ 20 phiên (CP)		302,130
% sở hữu nước ngoài		5.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		762
P/E		85.9
EPS		73

	YTD	1T	3T	6T
TEG	-11.1%	-3.5%	-9.9%	-27.9%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,817	1,733	4.8%
Tài sản ngắn hạn	879	875	0.4%
Tiền và tương đương tiền	3.56	2.94	20.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	64.1	62.7	2.3%
Phải thu ngắn hạn	750	754	-0.5%
Hàng tồn kho	52.7	52.7	0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	8.53	3.19	168%
Tài sản dài hạn	939	858	9.4%
Phải thu dài hạn	30.4	30.0	1.3%
Tài sản cố định	79.8	6.60	1108%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	204	196	4.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	614	614	0.0%
Tài sản dài hạn khác	1.40	1.60	-12.7%
Lợi thế thương mại	8.78	9.61	-8.6%
Nợ phải trả	305	255	19.6%
Nợ ngắn hạn	121	102	19.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	59.3	63.4	-6.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	30.1	8.03	275%
Nợ dài hạn	184	153	20.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	183	152	20.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,512	1,478	2.3%
Vốn chủ sở hữu	1,512	1,478	2.3%
Vốn điều lệ	1,208	1,208	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	8.95	167	113	9.14	10.1
Giá vốn hàng bán	7.39	158	107	6.66	7.30
Lợi nhuận gộp	1.56	9.00	6.46	2.48	2.75
Doanh thu HĐTC	8.78	7.33	4.07	23.2	5.71
Chi phí TC	1.28	3.78	1.75	1.39	1.62
Chi phí lãi vay	1.39	1.32	1.80	1.08	1.62
LN trong công ty LKLD	0	0.00	0	-0.08	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	4.99	8.48	5.61	5.04	5.75
LN thuần từ HĐKD	4.08	4.06	3.18	19.2	1.09
Lợi nhuận khác	-0.50	-2.96	-1.29	-14.6	3.24
LN trước thuế	3.58	1.11	1.89	4.62	4.34
Lợi nhuận sau thuế	2.78	0.01	1.48	1.51	4.18
LNST của CĐ cty mẹ	2.68	0.08	1.55	3.72	3.53

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-185	190	101	-67.3	544
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-294	-144	-144	-44.0	-568
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	458	-27.5	22.6	111	24.8
Tiền đầu kỳ	24.9	4.27	23.3	3.23	2.94
Lưu chuyển tiền thuần	-20.6	19.0	-20.1	-0.29	0.61
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.27	23.3	3.23	2.94	3.56

(Nguồn: fireant.vn)